

I. CƠ CẤU SỞ HỮU/ SHAREHOLDING STRUCTURE

1. Cơ cấu sở hữu theo loại cổ đông/ Shareholding structure on type of shareholder basis

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)	
					Shareholding structure	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of shares	Proportional ownership (%)	Number of shareholders	Institution	Individual
1	Cổ đông Nhà nước/ The State as shareholder	0	0	0	0	0
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI/ Founder/ FDI Shareholder	0	0	0	0	0
	- Trong nước/ Domestic	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0
3	Cổ đông lớn/ Major Shareholders	9.782.506	5,01	1	0	1
	- Trong nước/ Domestic	9.782.506	5,01	1	0	1
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0
4	Công đoàn Công ty/ Labor Union	13.215	0,01	1	1	0
	- Trong nước/ Domestic	13.215	0,01	1	1	0
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0
5	Cổ phiếu quỹ/ Treasury shares	2.000.338	1,03	1	1	0
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)/ Preferred stocks	0	0	0	0	0
7	Cổ đông khác/ Other shareholders	183.295.111	93,95	24.735	63	24.672
	- Trong nước/ Domestic	179.644.262	92,08	24.615	45	24.570
	- Nước ngoài/ Foreign	3.650.849	1,87	120	18	102
TỔNG CỘNG/ TOTAL		195.091.170	100	24.738	65	24.673
Trong đó: - Trong nước/ Domestic		191.440.321	98,13	24.618	47	24.571
- Nước ngoài/ Foreign		3.650.849	1,87	120	18	102

2. Cơ cấu sở hữu theo Cổ đông lớn và Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTCKCN)

Shareholding structure on Major shareholder and professional investor basis

Công ty chưa xác định được danh sách các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo Điều 11 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14. Theo đó, Công ty chưa thể tóm tắt theo bảng bên dưới.

The company has not identified the list of professional securities investors according to Article 11 of the Securities Law No. 54/2019/QH14. Accordingly, the Company cannot summarize according to the table below.

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (*)/ Shareholding structure	
					Tổ chức	Cá nhân
NO.	Subject	Number of Share	Proportional ownership (%)	Number of Shareholders	Institution	Individual
1	Cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn CP trở lên không phải là NĐTCKCN/ Major Shareholders (excluding Professional investors)	9.782.506	5,01	1	0	1
	- Trong nước/ Domestic	9.782.506	5,01	1	0	1
	- Nước ngoài/ Foreign	0	0	0	0	0
2	NĐTCKCN là cổ đông lớn sở hữu từ 5% VDL trở lên/ Professional investors holding an amount of share exceeding 5% of paid-up capital	0	0	0	0	0
	- Trong nước/ Domestic	0	0	0	0	0
	- Nước ngoài/ Foreign					
3	NĐTCKCN là cổ đông sở hữu < 5% VDL Professional investors which hold share in an amount under 5% of the paid-up capital	2.744.332	1,41	28	28	0
	- Trong nước/ Domestic	166.147	0,09	13	13	0
	- Nước ngoài/ Foreign	2.578.185	1,32	15	15	0
TỔNG CỘNG/ Total		12.526.838	6,42	39	28	1

3. Cơ cấu cổ đông theo loại cổ phiếu/ Shareholding structure on type of share basis

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
Subject	Number of transfer restriction shares	Number of free transfer shares	Total	Proportional ownership (%)
1	2(**)	3	4=2+3	5
I. Cổ đông nội bộ	0	18.415.075	18.415.075	9,44
II. Cổ phiếu quỹ	0	2.000.338	2.000.338	1,03

Đối tượng	Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng	Số lượng CP chuyển nhượng tự do	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu (%)
III. Công đoàn Công ty	0	13.215	13.215	0,01
IV. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)				
V. Cổ đông khác	0	174.662.542	174.662.542	89,53
1. Trong nước	0	171.109.608	171.109.608	87,71
1.1 Cá nhân	0	170.221.710	170.221.710	87,25
1.2 Tổ chức	0	887.898	887.898	0,46
Trong đó Nhà nước:	0	0	0	0
2. Nước ngoài	0	3.552.934	3.552.934	1,82
2.1 Cá nhân	0	810.870	810.870	0,42
2.2 Tổ chức	0	2.742.064	2.742.064	1,41
TỔNG CỘNG:	0	195.091.170	195.091.170	100

II. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG ĐẶC BIỆT LIST OF SHAREHOLDERS BY TYPE

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	Name of organization/ individual	ID/Passport number	Date of issue	Place of issue	Number of stock	Proportional ownership (%)	Number of transfer restriction shares
A. Cổ đông nhà nước/State shareholders							
Tổng Cộng A/ Total A							
B. Cổ đông lớn/ Major Shareholders							
1	Nguyễn Văn Nghĩa				9.782.506	5,01	0
Tổng Cộng B/ Total B							
C. Cổ đông chiến lược/ Strategic shareholders							
Tổng Cộng C/ Total C					0	0	0

STT	Tên tổ chức/cá nhân/	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD/	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu/	Tỷ lệ sở hữu (%)	Cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (**)
No	Name of organization/ individual	ID/Passport number	Date of issue	Place of issue	Number of stock	Proportional ownership (%)	Number of transfer restriction shares
D. Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI (đối với trường hợp TCNY là doanh nghiệp FDI)/ <i>Founding partner/FDI Shareholder (in case Listed company is a FDI company)</i>							
Tổng Cộng D/ Total D							
Tổng Cộng (A+B+C+D)/ Total (A+B+C+D)					9.782.506	5,01	0

III. DANH SÁCH CHI TIẾT VỀ CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN DETAILED SHAREHOLDING OF INTERNAL PERSONS

STT No.	Họ tên Name	Chức vụ Position	Số lượng CP/ Number of shares			
			Hạn chế chuyển nhượng(*) Transfer restriction	Chuyển nhượng tự do(*) Free transfer	Tổng cộng Total	Tỷ lệ sở hữu (%) Proportional ownership (%)
1	Bùi Dương Hùng	Chủ tịch HĐQT Chairman of the BOD	0	5.800.052	5.800.052	2,97
2	Tăng Quốc Thuộc	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Member of the BOD, Deputy General Director	0	1.232.263	1.232.263	0,63
3	Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT, TV UBKT Member of the BOD, Member of Audit Committee	0	9.782.506	9.782.506	5,01
4	Budiman Satrio Sudono Liem	Thành viên HĐQT Member of the BOD	0	97.915	97.915	0,05
5	Phan Ngọc Hiếu	Thành viên HĐQT, Trưởng ban UBKT	0	24	24	0

		<i>Member of the BOD, Head of Audit Committee</i>				
6	Dương Kim Ngọc	Thành viên HĐQT <i>Member of the BOD</i>	0	0	0	0
7	Cao Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	0	307.700	307.700	0,16
8	Lê Thị Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc, Người UQ CBTT, Người quản trị công ty <i>Deputy General Director, Authorized person to disclose information, Person in charge of corporate governance</i>	0	497.900	497.900	0,26
9	Phí Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	0	107.607	107.607	0,05
10	Nguyễn Văn Việt	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	0	516.948	516.948	0,27
11	Bành Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>	0	55.560	55.560	0,03
12	Đỗ Văn Hưởng	Kế toán trưởng <i>Chief accountant</i>	0	16.600	16.600	0,01
TỔNG CỘNG/TOTAL:			0	18.415.075	18.415.075	9,44

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
Authorized person to disclose information



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Phương Nam